7. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

a) Các chuyên ngành (Specialization):

7.1. Xây dựng cầu, hầm, đường bộ, đường sắt, đường thủy, bến cảng, sân bay; kết cấu; vật liệu; nền móng; kỹ thuật giao thông; quy hoạch giao thông (Bridge, Tunnel, Road, Railway, Waterway, Port, Airport; Structures; Materials, Foundation; Traffic Engineering; Transportation Planning).

7.2. Tổ chức và quản lý giao thông vận tải; điều khiển trong GTVT biển, sông, sắt, ô tô, hàng không (Organization and Management in Transportation; Control in Transportation).

7.3. Bảo đảm hàng hải, đường thủy (Maritime and Internal waterway safety).

7.4. Khai thác vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường biển, hàng không (Railway, Road, Internal Waterway, Maritime, Airway Transport Operation).

7.5. Máy xây dựng–xếp dỡ, kỹ thuật phương tiện vận tải ô tô, đầu máy, toa xe, tàu thủy (Loading, Unloading and Construction Machines; Transport Mechanical Engineering).

7.6. Bảo vệ công trình giao thông vận tải (Protection of Transport Works).

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế (Phụ lục 1)		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF ≥2,0)	**0 – 3,0**
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF < 2,0)	**0 – 2,0**
				ESCI, ISI, Scopus	**0 – 1,5**
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐCDGSLN quyết định từng trường hợp cụ thể	**0 – 1,0** Online **0 – 0,75** Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	**0 – 1,0**
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	**0 – 0.5**
5.	Các khoa học về Trái đất - Vietnam Journal of Earth Sciences	0866-7187	Tạp chí ACI, SCIE	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 **0 – 1,0** từ 2021
6.	Cầu đường Việt Nam	1859-459X	Tạp chí	Hội Khoa học Kỹ thuật Cầu đường Việt Nam	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2023
7.	Cơ khí Việt Nam	2615-9910 (0866-7056)	Tạp chí	Tổng Hội Cơ khí Việt Nam	**0 – 0,5**
8.	Công nghiệp Mỏ	3030-4172 (0868-7052)	Tạp chí	Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam	**0 – 0,25**

9.	Địa kỹ thuật	0868-279X	Tạp chí	Hội Cơ học đất	**0 – 0,5**
10.	Giao thông vận tải	2354-0818 e-2615-9791 (0866-7012)	Tạp chí	Bộ Giao thông vận tải	0 – 0,75 **0 – 1,0** từ 2020 đến 31/ 3/2025
11.	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (JSTCE)	p-1859–2996 e-2734-9268	Tạp chí ACI	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	0 – 1,0 từ 2021 **0 – 1,25** từ 2022 **0 – 1,0** từ 2025
12.	Kết cấu và Công nghệ Xây dựng	1859-3194	Tạp chí	Hội Kết cấu và Công nghệ Xây dựng Việt Nam	**0 – 0,5**
13.	Khoa học – Công nghệ Hàng Hải	1859-316X	Tạp chí	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	0 – 0,75 **0 – 1,0** từ 2025
14.	Khoa học và Công nghệ các trường Đại học kỹ thuật - Engineering and Technology for Sustainable Development - Smart Systems and Devices	- 0868-3980 từ 12/1996 - 2354-1083 từ 3/2015 - 2734-9381 từ 3/2021 2734-9373	Tạp chí	Trường ĐHBKHN, ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH KTCN – ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế – Kỹ thuật công nghiệp, Trường ĐHBK TP. HCM, Trường ĐH SPKT TP. HCM, Học viện CNBC-VT	0 – 0,5 **0–0,**75 từ 2025
15.	Khoa học Công nghệ Giao thông vận tải	1859-4263	Tạp chí	Trường Đại học Giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2022 **0 – 1,0** từ 2024
16.	Khoa học Công nghệ Thủy sản	1859-2252	Tạp chí	Trường Đại học Nha Trang	**0 – 0,25**
17.	Khoa học Công nghệ Xây dựng	2615-9058	Tạp chí	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	**0 – 0,75**
18.	Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và Công nghệ	2588-1175 e-2615-9732	Tạp chí	Đại học Huế	**0 – 0,5** từ 2020
19.	Khoa học Giao thông Vận tải (Transport and Communications Science Journal)	1859-2724 e-2615-9554	Tạp chí ACI	Trường Đại học Giao thông vận tải	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2020 **0 – 1,25** từ 2022 **0 – 1,0** từ 2025
20.	Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường	1859-3941	Tạp chí	Trường Đại học Thủy lợi	**0 – 0,5**
21.	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2025
22.	Khoa học và Công nghệ Biển	1859-3097	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2021

23.	Khoa học và Công nghệ	2734-9098 e-2615-9562 (1859-2171)	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	**0 – 0,5**
24.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Series B)	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2020 **0 – 1,0** từ 2022
25.	Khoa học và Công nghệ Xây dựng	1859-1566	Tạp chí	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Bộ Xây dựng	**0 – 0,5**
26.	Khoa học và Kỹ thuật	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2016 **0 – 1,0** từ 2025
27.	Kiến trúc	0866-8617	Tạp chí	Hội Kiến trúc sư Việt Nam	**0 – 0,25**
28.	Kiến trúc Việt Nam	0868-3786	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 – 0,25 **0 – 0,5** từ 2024
29.	Kinh tế và Phát triển	1859-0012	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	**0 – 0,5**
30.	Năng lượng Nhiệt (*Tên cũ:* KH và CN nhiệt)	0868-3336	Tạp chí	Hội Khoa học Kỹ thuật Nhiệt Việt Nam	**0 – 0,5**
31.	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1859-4581 (0866-7020)	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**0 – 0,25**
32.	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2021
33.	Science Journal of transportation	2410-9088	Tạp chí	Trường ĐH Giao thông Vận tải - ĐH Tổng hợp Kỹ thuật giao thông đường bộ Matxccova Liên bang Nga - ĐH Giao thông Tây Nam Trung Quốc.	**0 – 0,75** từ 2020
34.	Vietnam Journal of Mechanics (*Cũ:* Cơ học)	0866-7136	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	**0 – 1,0**
35.	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (Series C)	2525-2461	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,75 từ 2020 **0 – 1,0** từ 2022
36.	Vật liệu & xây dựng, Materials & construction	1859-381X-V 2734-9438-E	Tạp chí	Viện Vật liệu Xây dựng, Bộ xây dựng	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2023 **0 – 0,75** từ 2025
37.	Xây dựng	2734-9888 (0866-8762)	Tạp chí	Bộ Xây dựng (cũ)	**0 – 0,5** đến 31/3/2025
38.	Khoa học và Công nghệ Giao thông	2734-9942	Tạp chí	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	0 – 0,25 từ 2024 **0 – 0,5** từ 2025
39.	Khoa học Đại học Cần thơ	1859-2333 e-2815-5599	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	**0 – 0,25** từ 2024

40.	CTU Jourrnal of Innovation and Sustainable Development	2588-1418 e-2815-6412	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2024 **0 – 0,5** từ 2025
41.	Khoa học Kỹ thuật Mỏ-Địa chất	1859-1469	Tạp chí	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	0 – 0,25 từ 2024 **0 – 0,5** từ 2025
42.	Khoa học Công nghệ Hàng không	2815-5661	Tạp chí	Học viện Hàng không Việt Nam	**0 – 0,25** từ 2024
43.	Xây dựng (Nhập với Tạp chí Giao thông Vận tải)	2734-9888	Tạp chí	Bộ Xây dựng	**0 – 1,0** từ tháng 4/2025
44.	Xây dựng (Nhập với Tạp chí Giao thông Vận tải) (Bản điện tử)	e-3030-4482	Tạp chí	Bộ Xây dựng	**0 – 0,75** từ tháng 4/2025
45.	Xây dựng và Đô thị	1859-3119	Tạp chí	Học viện Chiến lược, Bồi dưỡng cán bộ	**0 – 0,25** từ 2025

c) Nhà xuất bản có uy tín:

- *Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới*: Nhà xuất bản trên thế giới bằng 05 thứ tiếng thông dụng (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc), nội dung sách liên quan đến các lĩnh vực GTVT gồm 24 nhà xuất bản *(Phụ lục 2)*; NXB khác, bằng thứ tiếng khác do Hội đồng ngành GTVT xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

- *Nhà xuất bản trong nước có uy tín:* Khoa học & kỹ thuật; Giao thông vận tải; Xây dựng; Giáo dục Việt Nam; Đại học Quốc gia Hà Nội; ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; Các NXB khác do Hội đồng ngành GTVT xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

- *Tác giả chính*: Tác giả chính là tác giả đứng đầu (first author), tác giả liên hệ (corresponding author) duy nhất. Trong trường hợp này, điểm tính cho 2 tác giả chính sẽ bằng 1/3 số điểm của bài báo, số điểm còn lại chia theo giá trị đóng góp của mỗi người kể cả tác giả chính. Trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số điểm còn lại chia đều cho từng người tham gia. Trường hợp tạp chí có quy định riêng và có minh chứng chứng minh, Hội đồng sẽ xem xét quyết định.

Phụ lục 1. NHÀ XUẤT BẢN QUỐC TẾ CÓ UY TÍN

STT	Tên Nhà xuất bản
1	Elsevier
2	Springer
3	Taylor & Francis
4	ICE Publishing
5	Wiley Online Library
6	Thompson
7	Cambridge University Press
8	Columbia University Press
9	Harvard University Press
10	John's Hopkins University Press
11	MIT Press Cambridge, Massachusetts
12	Oxford University Press
13	Princeton University Press
14	Stanford University Press
15	University of Chicago Press
16	Yale University Press
17	Academic Press London
18	Blackwell
19	Cameron May
20	Clarendon Press
21	Cornell University Press
22	Wiley and Sons
23	ASCE Library
24	SAGE

Gồm 24 nhà xuất bản có uy tín trên thế giới.